

NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC-THỰC TIỄN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Lê Cẩm

Khoa Luật

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

I. MỞ ĐẦU

1. Công cuộc đổi mới được tiến hành ở nước ta hơn 10 năm đã đạt được những thành tựu nhất định. Con đường mới và đúng đắn, tất yếu và có tính quy luật cho sự phát triển của xã hội Việt Nam trong thế kỷ XXI cũng đã được chỉ ra đó là “Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam” [1]. Do vậy, một trong những hướng nghiên cứu cơ bản và là nhiệm vụ quan trọng của các nhà khoa học - luật gia nước ta hiện nay là xác định và phân tích, lý giải và luận chứng những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật hình sự (PLHS) Việt Nam hiện hành. Bởi lẽ:

Một là, thực tiễn sinh động của thế giới hiện đại, hàng chục năm qua, đã và đang chứng minh xác đáng quan điểm được thừa nhận chung của nhân loại tiến bộ – trong nhà nước pháp quyền (NNPQ) các quyền và tự do của con người là những giá trị xã hội cao quý nhất, đồng thời là các khách thể hàng đầu được ghi nhận, tôn trọng và bảo vệ bằng pháp luật, kể cả PLHS.

Hai là, hoàn thiện pháp luật, trong đó có PLHS, là một trong nhiều yếu tố cơ bản đảm bảo cho việc xây dựng thành công NNPQ, vì các quy định của PLHS chính là những căn cứ pháp lý quan trọng nhất để đấu tranh chống tội phạm và xử lý nghiêm minh những người phạm tội, để góp phần tăng cường pháp chế và củng cố trật tự pháp luật, để bảo vệ các quyền và tự do của công dân, cũng như các lợi ích của xã hội và của nhà nước.

Ba là, thực tiễn xã hội nói chung, cũng như thực tiễn đấu tranh chống tội phạm, lập pháp và áp dụng PLHS nói riêng trong những điều kiện kinh tế thị trường đầy biến động và phức tạp ở Việt Nam đang đặt ra những đòi hỏi cấp bách phải đổi mới một cách toàn diện Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1985 hiện hành của nước ta, nên hiện nay nhà nước ta đang tiến hành sửa đổi Bộ luật này để đáp ứng kịp thời các quan hệ xã hội mới đã, đang và sẽ hình thành. Vì sau hơn 10 năm thi hành, BLHS năm 1985 hiện hành đã bộc lộ khá rõ rệt một số nhược điểm nhất định mà trong quá trình làm Dự thảo biên soạn mới BLHS cần phải được các nhà làm luật nước ta lưu ý để sửa đổi, bổ sung hoặc loại bỏ.

Bốn là, chính những cơ sở khoa học-thực tiễn khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục sẽ đóng vai trò định hướng tốt và quan trọng đối với nhà làm luật khi hoàn thiện PLHS (từ việc nghiên cứu tính hợp lý về thực tiễn hay không của các quy phạm PLHS, cũng như việc hình thành các chế định và các khái niệm pháp lý trong Phần chung, cho đến việc xây dựng các cấu thành tội phạm cụ thể trong Phần riêng BLHS – tức là quá trình tội phạm hóa hoặc phi tội phạm hóa, hình sự hóa hoặc phi hình sự hóa, v.v...).

Năm là, mặc dù những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện PLHS Việt Nam hiện hành có tầm quan trọng như thế, nhưng cho tới nay trong khoa học pháp lý nước ta vẫn chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập riêng đến vấn đề này.

2. Như vậy, tất cả những điều được phân tích trên đây không chỉ cho phép nói lên ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của việc suy ngẫm và nghiên cứu vấn đề đã nêu, mà còn luận chứng cho sự cần thiết của việc lựa chọn đề tài bài báo này.

II. NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC - THỰC TIỄN CỦA VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ NƯỚC TA HIỆN NAY

Việc xác định và phân tích, lý giải và luận chứng những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện PLHS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay sẽ là không khách quan, không có căn cứ và không đảm bảo sức thuyết phục nếu như không xuất phát từ các tiền đề đúng đắn có tính chất nền tảng như: a) thực tiễn xã hội Việt Nam (mà thực tiễn pháp lý là một bộ phận cấu thành); b) các điều kiện cụ thể về lịch sử, kinh tế, chính trị và văn hóa, cũng như các giá trị pháp luật truyền thống của đất nước; c) các giá trị pháp luật quốc tế hiện đại và những thành tựu lý luận của khoa học pháp lý trên thế giới.

Xuất phát từ các tiền đề đã nêu, chúng tôi cho rằng nên chăng trong giai đoạn hiện nay – giai đoạn xây dựng NNQP, việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần được tiến hành trên năm cơ sở khoa học-thực tiễn dưới đây.

1. Việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần đáp ứng được những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn xã hội nói chung, cũng như thực tiễn đấu tranh chống tội phạm, lập pháp và áp dụng PLHS nói riêng của nước ta

Chỉ có căn cứ vào bản chất của các quan hệ xã hội đang tồn tại và sẽ phát triển tiếp tục thì chúng ta mới có thể nhận thấy được một cách chính xác và khách quan những yêu cầu thiết thực của xã hội Việt Nam đối với việc điều chỉnh bằng PLHS. Chẳng hạn, các quan hệ kinh tế thị trường đang hình thành ở nước ta hiện nay đòi hỏi “hiệu lực quản lý và kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật sao cho đủ sức chống lại những phi pháp trong làm ăn kinh tế, những sự làm giàu bất chính, những hiện tượng kinh tế ngầm, những kiểu “mafia” trong hoạt động kinh tế...”[2].

Như vậy, tính quyết định xã hội của các quy phạm PLHS được thể hiện trong hiệu lực thực tế của chúng và là cơ sở rất quan trọng cho quá trình tội phạm hóa hoặc phi tội phạm hóa, hình sự hóa hoặc phi hình sự hóa. Vì thực tiễn xã hội Việt Nam góp phần xác định các quy luật khách quan và hình thành nên những quyết định hợp lý của nhà làm luật nước ta trong việc hoàn thiện PLHS hiện hành. Chính ở đây, luận điểm của C.Mác là hoàn toàn xác đáng – “nhà làm luật có đạo đức trước hết phải cho rằng đối với mình việc làm nguy hiểm, bệnh hoạn nhất và nghiêm trọng nhất là khi đưa vào lĩnh vực các tội phạm một hành vi mà không bị coi là tội phạm” [3].

Thực tiễn đấu tranh chống tội phạm ở nước ta hiện nay cho thấy tình hình tội phạm đang diễn biến phức tạp, nhiều loại tội phạm mới xuất hiện và có xu hướng

ngày càng gia tăng; từ nay đến năm 2000 sẽ còn diễn biến phức tạp hơn, nhất là một số loại tội phạm như tội phạm có tổ chức và các loại tội phạm quốc tế (cướp biển, buôn lậu ma túy hoặc vũ khí, cướp có vũ trang...)[4]. Do đó, việc bổ sung các cấu thành tội phạm mới vào BLHS là một trong những đòi hỏi cấp bách.

Đồng thời, thực tiễn lập pháp hình sự (cụ thể là BLHS năm 1985 hiện hành với bốn Luật sửa đổi và bổ sung nó vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997) và thực tiễn áp dụng PLHS cũng cho thấy hiện nay một số các chế định và quy phạm Phần chung BLHS đã bộc lộ các nhược điểm cơ bản như chưa phù hợp với thực tiễn hoặc thiếu tính chính xác về khoa học, chưa nhất quán về lôgic pháp lý hoặc thiếu chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp [5]. Ngoài ra, một loạt các quy định của BLHS về các tội phạm kinh tế cũng thể hiện nhiều thiếu sót và bất cập vì chưa đáp ứng được những đòi hỏi của các quan hệ xã hội mới trong nền kinh tế thị trường [6].

Những đòi hỏi trên đây của thực tiễn cho phép khẳng định ý nghĩa quan trọng của cơ sở khoa học-thực tiễn hàng đầu này đối với quá trình hoàn thiện PLHS Việt Nam là ở chỗ: việc quy định rõ ràng và dứt khoát trong BLHS hành vi nào nguy hiểm cho xã hội trong giai đoạn hiện nay là bị cấm (tội phạm hóa) mà sự vi phạm điều cấm đó phải bị xử lý bằng chế tài hình sự (hình sự hóa) hoặc ngược lại, loại bỏ ra khỏi BLHS hành vi nào nguy hiểm cho xã hội trước đây là bị cấm (phi tội phạm hóa) mà việc thực hiện hành vi đó trong giai đoạn hiện nay không cần thiết phải xử lý bằng chế tài hình sự nữa (phi hình sự hóa) chính là điều kiện tiên quyết để đảm bảo một cách hữu hiệu cho nguyên tắc tiến bộ và cơ bản nhất của luật hình sự trong NNPQ – nguyên tắc pháp chế “Nullum crimen, nulla poena sine lege” (không có tội phạm, không có hình phạt, nếu không có luật quy định).

2. Việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần dựa trên những cơ sở lý luận của khoa học luật hình sự được làm sáng tỏ một cách xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục với tư duy pháp lý mới, tiến bộ và dân chủ

Thực tiễn lập pháp hình sự cho thấy sẽ là phiến diện – không có một BLHS tốt hoặc là có một BLHS với nhiều khiếm khuyết – nếu như khi tiến hành công tác pháp điển hóa luật hình sự hoặc soạn thảo các Luật sửa đổi và bổ sung BLHS chúng ta chỉ căn cứ vào những đòi hỏi cấp bách của thực tiễn đấu tranh chống tội phạm và các tiêu chí của thực tiễn áp dụng PLHS, mà không chú trọng đến khía cạnh lý luận của khoa học luật hình sự đối với những quy định tương ứng. Tuy nhiên, không phải bất cứ nghiên cứu lý luận nào của các nhà khoa học-luật gia cũng có thể được coi là đúng và được thực tiễn chấp nhận (nhất là trong lĩnh vực tư pháp hình sự) vì “khoa học chỉ có ý nghĩa thực sự đối với cuộc sống và góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội khi nó làm tốt chức năng dự báo để soi đường cho thực tiễn”[7]. Nói một cách khác, nếu như “công trình khoa học” nào đấy trong các lĩnh vực luật học nói chung (và tư pháp hình sự nói riêng) được tiến hành với thủ thuật “xào nấu”, “chế biến lại” những lý luận cũ trong các giáo trình hoặc sách báo pháp lý của nước ngoài, nhưng vì thiếu tính trung thực khoa học nên tác giả của nó đã ăn cắp chất xám (không chịu trích dẫn các nguồn tài liệu tham khảo sử dụng để “giải quyết khâu oai” – làm cho các đồng nghiệp tưởng đấy sản phẩm khoa học do mình nghĩ ra, thì đó chẳng qua chỉ là mớ lý thuyết suông – thứ sản phẩm xa rời thực tế của loại khoa học phòng giấy mà khoa học chân chính không thể chấp nhận được .

Do vậy, những luận chứng cho các kiến giải lập pháp (KGLP) để hoàn thiện các quy định tương ứng của BLHS năm 1985 hiện hành nhất thiết phải được soi sáng bằng các luận điểm của khoa học luật hình sự hiện đại. Vì chỉ có trên nền tảng những lý luận đúng đắn được phân tích một cách xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục với tư duy pháp lý mới, tiến bộ và dân chủ chúng ta mới có thể nhận thấy được giá trị xã hội của từng KGLP được đưa ra, mà cụ thể là: a) tính hợp lý về thực tiễn của KGLP đó là ở chỗ nào? b) cơ sở khoa học của nó là gì? và c) tại sao lại có sự cần thiết phải ghi nhận nó vào BLHS?

Chẳng hạn, KGLP về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Dự thảo BLHS (sửa đổi) lần thứ X (tháng 3 /1998) là: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức) phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do đại diện của mình thực hiện vì lợi ích của tổ chức đó” (Khoản 2 Điều 2). Lập luận của những người ủng hộ cho việc quy định trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân là “...chỉ nên đặt vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số loại pháp nhân kinh tế như doanh nghiệp, công ty... Đây là loại trách nhiệm đồng thời (pháp nhân và thể nhân đều phải chịu trách nhiệm hình sự về cùng một hành vi phạm tội)”[6, tr47] (chúng tôi nhấn mạnh – L.C.). Thế nhưng nếu quy định như điều luật đã nêu, thì rõ ràng là chưa thể hiện được đầy đủ nội dung của lập luận cho KGLP này, chưa đảm bảo tính chính xác về mặt khoa học và thiếu sự chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp. Mặc dù theo chúng tôi, trong giai đoạn hiện nay KGLP này chưa cần thiết đối với thực tiễn của Việt Nam (mà các lý do của nó sẽ được đề cập riêng trong một bài báo khác), nhưng nếu nhà làm luật nước ta chấp nhận phương án TNHS của pháp nhân, thì KGLP này cần được quy định như sau: “Doanh nghiệp, công ty, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là pháp nhân) phải cùng với người đại diện của mình chịu trách nhiệm hình sự trên những cơ sở chung về hành vi phạm tội mà người này thực hiện vì lợi ích của pháp nhân đó trong những trường hợp do các điều tương ứng tại Phần các tội phạm Bộ luật này quy định riêng”.

3. Việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc và quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự

Là thành viên của Liên hợp quốc (LHQ), nước ta đã ký và cam kết thực hiện một số văn bản quốc tế về nhân quyền, đặc biệt là Tuyên ngôn thế giới về Nhân quyền (ngày 10/12/1948), hai Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ngày 16/12/1966). “Tham gia các Công ước này, Nhà nước Việt Nam thừa nhận các giá trị cao quý về các quyền và tự do cơ bản của con người”[8]. Chính vì thế, để nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế và để cho thế giới thấy rằng “sự thừa nhận” này không phải là hình thức – chỉ nằm trên giấy tờ, mà là có thật – được ghi nhận trong pháp luật quốc gia và được thực thi trong cuộc sống, thì hệ thống pháp luật Việt Nam (trong đó có PLHS) cần được hoàn thiện cho phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế.

Quá trình hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới hiện nay đang là một thực tế tất yếu khách quan và có tính quy luật. Mặc dù còn có một số mặt hạn chế đang dần dần được khắc phục, nhưng nó có ảnh hưởng

rất tích cực đến sự phát triển kinh tế-xã hội nước ta và tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác của các nước thành viên Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) và Hiệp hội cảnh Cảnh sát các nước Đông Nam Á (ASEANAPOL) trong công tác đấu tranh chống tội phạm. Chẳng hạn, khi bàn về cơ sở pháp lý cho sự hợp tác quốc tế của các nước trong việc đấu tranh chống các tội phạm về ma túy, Thạc sỹ Luật học Trần Văn Luyện cho rằng: “Tội phạm ma túy mang tính toàn cầu, nên sự hợp tác quốc tế là một tất yếu khách quan. Sự tương đồng về mặt pháp luật là cơ sở quan trọng để hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm ma túy” [9] (chúng tôi nhấn mạnh – L.C.). Thực tiễn những năm qua cũng cho thấy: là thành viên của INTERPOL (từ năm 1991) và của ASEANAPOL (từ năm 1995) Việt Nam đã hợp tác rất tích cực với một số nước thành viên khác của hai tổ chức này trong việc tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ những người phạm tội.

Nên tảng pháp lý cho sự hợp tác hữu hiệu của các quốc gia trong việc đấu tranh chống tội phạm là các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự. Các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung ấy là di sản pháp lý chung của toàn thể nhân loại tiến bộ mà cộng đồng quốc tế đã trải qua bao bước thăng trầm của lịch sử mới đạt được, chứ không phải là của một số dân tộc hay quốc gia riêng biệt nào.

Vì vậy, tiến hành tốt cơ sở khoa học-thực tiễn thứ ba này chính là tạo nên “sự tương đồng về mặt pháp luật” để có những căn cứ pháp lý hình sự đảm bảo cho sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa nước ta với các nước thành viên của hai tổ chức cảnh sát nói trên trong việc đấu tranh chống tình trạng phạm tội quốc tế, góp phần bảo vệ hòa bình và an ninh của nhân loại trong khu vực và trên thế giới, đồng thời nâng cao uy tín của Việt Nam.

Nghiên cứu các công trình khoa học trong lĩnh vực tư pháp hình sự quốc tế và phân tích các văn bản quốc tế có liên quan, chúng ta có thể nhận thấy nhiều cách hiểu khác nhau xung quanh các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực này¹ [10]. Tuy nhiên, không khổ một bài báo chỉ cho phép nêu lên các nguyên tắc của luật hình sự quốc tế mà chúng tôi cho là việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần đảm bảo sự phù hợp. Theo quan điểm của chúng tôi đó bảy nguyên tắc sau đây: a) không áp dụng thời hiệu đối với các tội chống hòa bình và an ninh của nhân loại; b) không tránh khỏi trách nhiệm hình sự quốc tế vì thực hiện hành vi mà theo pháp luật quốc tế là thuộc loại các tội chống hòa bình và an ninh của nhân loại (mặc dù trong PLHS quốc gia không quy định việc trừng phạt đối với các tội đó); c) pháp chế – “Nullum crimen, nulla poena sine lege”; d) công minh; đ) nhân đạo; e) trách nhiệm do lỗi; và f) trách nhiệm cá nhân.

4. Việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần đảm bảo được sự kết hợp hài hòa các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc với những thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý trên thế giới

¹ Bài phát biểu của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm - Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam tại khóa họp đặc biệt lần thứ 20 Đại hội đồng Liên hợp quốc, và Tuyên bố chính trị của khóa họp này. — Trong bản công tác phòng, chống ma túy, số 2/1998, tr.4 và 10-12

“Các giá trị pháp luật truyền thống (GTPLTT) của dân tộc là tổng hợp các chế định và các quy phạm pháp luật được thừa nhận chung của dân tộc, cũng như các quan niệm, quan điểm và tư tưởng pháp lý tiến bộ của nhân dân đã được hình thành trong quá trình phát triển của nền văn hoá tinh thần (đặc biệt là văn hoá pháp lý) và phù hợp với xã hội truyền thống của dân tộc ấy”[11]. Việc nghiên cứu lịch sử pháp luật Việt Nam (nhất là pháp luật trong giai đoạn cầm quyền của vua Lê Thánh Tông anh minh và tài giỏi với Bộ luật Hồng Đức năm 1483 nổi tiếng) đã cho phép khẳng định rằng: các GTPLTT chủ yếu của dân tộc ta – bảo vệ các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung của phương Đông, chủ nghĩa nhân đạo và sự công minh – đã hình thành từ hàng trăm năm trước đây.

Ý nghĩa chính trị-xã hội và pháp lý rất quan trọng của các GTPLTT là ở chỗ – nếu như không tính đến các GTPLTT thì việc xây dựng NNPQ ở Việt Nam sẽ chỉ là những lời tuyên ngôn mãi mãi nằm trên giấy tờ, vì rằng: a) các GTPLTT góp phần giáo dục cho các thế hệ hôm nay và mai sau (nhất là các nhà luật học) tinh thần tôn trọng di sản pháp lý của tổ tiên đã để lại cho chúng ta, tức là đóng vai trò tích cực trong việc hình thành hệ tư tưởng pháp luật tiên tiến như là một điều kiện cơ bản và quan trọng cho sự nghiệp xây dựng NNPQ; và b) các GTPLTT không chỉ ảnh hưởng đáng kể đến văn hóa pháp lý của toàn xã hội, mà còn hỗ trợ đắc lực cho việc hoàn thiện pháp luật (trong đó có PLHS), như là một trong nhiều yếu tố đảm bảo cho việc xây dựng thành công NNPQ.

Là một bộ phận cấu thành của tinh hoa văn hóa thế giới – giá trị quý báu chung của nền văn minh nhân loại, những thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý trên thế giới (trong đó có khoa học luật hình sự) được phân tích một cách trung thực và khách quan dưới góc độ luật học so sánh sẽ là các tư liệu tham khảo tốt cho nhà làm luật nước ta để kết hợp hài hòa với các GTPLTT của dân tộc trong quá trình hoàn thiện PLHS Việt Nam hiện hành. Chẳng hạn, theo chúng tôi: mặc dù còn có nhiều nhược điểm nhưng ưu điểm rất cơ bản đáng được đánh giá cao của Dự thảo BLHS (sửa đổi) lần thứ X (tháng 3/1998) là đã phi tội phạm hóa việc không tố giác tội phạm của nhau (Điều 24) và phi hình sự hóa việc che giấu tội phạm cho nhau (Điều 23) của ông bà, cha mẹ, con cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng. Vì đó là: a) sự kế thừa chủ nghĩa nhân đạo như là một trong các GTPLTT chủ yếu của dân tộc – Bộ luật Hồng Đức không chỉ quy định không trừng phạt việc giấu tội phạm cho nhau của những người đã nêu (Điều 39), mà còn coi việc con cháu tố giác ông bà hay cha mẹ là tội bất hiếu phải bị trừng phạt và coi tội này thuộc 1 trong thập ác ngang với các tội quốc sự (Điều 2). Và các quy định đó còn là sự lĩnh hội thành tựu tiên tiến của khoa học pháp lý trên thế giới – các nhà làm luật LB Nga coi việc không tố giác tội phạm là quyền (chứ không phải là nghĩa vụ) của công dân, cũng như việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm là trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật nên đã phi tội phạm hóa hoàn toàn việc không tố giác tội phạm đối với tất cả các công dân (chứ không phải chỉ đối với những người đã nêu); đồng thời quy định tại Điều 23 Dự thảo BLHS (sửa đổi) thứ X (tháng 3/1998) của Việt Nam về cơ bản chính là quy định tại điều 316 BLHS Liên bang Nga năm 1996 hiện hành [12].

Như vậy, cơ sở khoa học-thực tiễn thứ tư này sẽ góp phần đảm bảo cho các quy phạm BLHS (sửa đổi) của nước ta đáp ứng được đầy đủ những tiêu chí khả thi đối với các quy phạm (hay chế định) pháp luật (hơn nữa lại là của PLHS) như: a

hợp lý về mặt thực tiễn; b) chính xác về mặt khoa học; c) nhất quán về mặt lôgic pháp lý; và c) chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp. Vì nếu như thiếu những tiêu chí này thì quy phạm pháp luật nào đó được đưa ra sẽ chỉ là quy phạm pháp luật “chết”.

5. Việc hoàn thiện PLHS Việt Nam cần được tiến hành một cách đồng bộ với việc cải cách hệ thống tư pháp hình sự, cũng như việc đổi mới pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) và pháp luật thi hành án hình sự (AHS) của nước ta

Giữa ba ngành luật hình sự, TTHS và THAHS (hay còn gọi là luật cải tạo lao động) luôn luôn có mối liên hệ hữu cơ và chặt chẽ với nhau mà nếu như thiếu mối quan hệ đó thì không thể đảm bảo được sự phối hợp và thống nhất trong hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự vì mục đích chung – đạt được hiệu quả cao nhất trong công tác đấu tranh chống tội phạm.

Chẳng hạn, mối liên hệ đã nêu được thể hiện ở chỗ: chế định phân loại tội phạm (do luật hình sự quy định) vừa là căn cứ để xác định thẩm quyền tương ứng của các cơ quan bảo vệ pháp luật và tòa án các cấp khác nhau trong việc điều tra, truy tố và xét xử các loại tội phạm khác nhau (do luật TTHS quy định), đồng thời cũng chính là cơ sở để xác định các loại chế độ trại cải tạo lao động đối với những người bị kết án tù có thời hạn mà trong những điều kiện như nhau đã phạm các loại tội khác nhau (do luật THAHS quy định). Hoặc là: khi một công dân đã phạm tội, thì nội dung về mặt pháp lý hình sự của cấu thành tội phạm tương ứng (do luật hình sự quy định) chính là đối tượng phải chứng minh trong quá trình tiến hành tố tụng của các cơ quan điều tra, kiểm sát và tòa án (do luật TTHS quy định); v.v...

Gần đây, trong chuyên khảo có tính chất nền tảng, mới và lớn nhất trong khoa học nghiên cứu về tội phạm ở Nga[13], Chủ tịch Hội các nhà tội phạm học của LB Nga, nữ giáo sư-tiến sỹ luật Đôlgôva A.I. khi bàn về nội dung của việc đấu tranh chống tội phạm đã viết: “Việc đấu tranh chống tội phạm là sự thống nhất hữu cơ của ba phương hướng: 1) tổ chức chung việc đấu tranh, 2) ngăn ngừa tình trạng phạm tội, 3) hoạt động bảo vệ pháp luật”. Như vậy, rõ ràng là một hệ thống tư pháp hình sự thực sự mạnh để đấu tranh chống tội phạm hữu hiệu chỉ khi nào nó được cải cách đồng bộ – song song với việc hoàn thiện luật nội dung (hình sự) phải đổi mới cả các luật hình thức (TTHS và THAHS), vì bằng cách ấy mới có thể tạo nên được những căn cứ về pháp lý, tổ chức và nghiệp vụ cho hoạt động bảo vệ pháp luật của các cơ quan nằm trong hệ thống này.

Do đó, cùng với sửa đổi toàn diện BLHS và Bộ luật TTHS có lẽ đã đến lúc chúng ta cần phải soạn thảo Bộ luật THAHS Việt Nam. Để tiến hành công việc này cần phải thành lập Ban soạn thảo và giao cho Bộ Công an chủ trì công việc của Ban.

Thành phần của Ban này sẽ bao gồm một tập thể các cán bộ thực tiễn có tên tuổi và nhà khoa học giỏi trong lĩnh vực tư pháp hình sự của nước ta, tức là các chuyên gia đầu đàn (chứ không thể là các quan chức hay các nhà khoa học phòng giấy).

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, từ việc nghiên cứu về những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn

thiện PLHS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay chúng ta có thể đi đến một số kết luận chung như sau:

1. Thực tiễn pháp lý cho thấy, việc hoàn thiện pháp luật nói chung và PLHS nói riêng sẽ chỉ là những sửa đổi hoặc bổ sung có tính chất “chữa cháy”, chấp vá, thiếu tính toàn diện và đồng bộ nếu như không dựa trên những khoa học-thực tiễn nhất định.

2. Đến lượt mình, những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật (trong đó có PLHS) chỉ có thể đóng vai trò định hướng tốt và quan trọng đối với quá trình hoàn thiện ấy khi chúng xuất phát từ các tiền đề đúng đắn có tính chất nền tảng, đồng thời phải được luận chứng một cách khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục như thiếu dù chỉ là một trong số đó thì BLHS (sửa đổi) không thể đảm bảo được tính khả thi.

4. Và cuối cùng, chính vì vậy những cơ sở khoa học-thực tiễn của việc hoàn thiện PLHS Việt Nam hiện nay cần phải được tiếp tục nghiên cứu và làm sâu sắc hơn nữa để góp phần tích cực vào việc đưa ra các KGLP tối ưu cho BLHS (sửa đổi) của nước ta – BLHS của đất nước trong giai đoạn xây dựng NNPQ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1996, tr. 29.
- [2] Nguyễn Duy Quý (Chủ biên). *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1998, tr. 166-167.
- [3] Mác, F. Ăngghen. *Toàn tập*. Tập 1, tr.132 (tiếng Nga).
- [4] Nguyễn Xuân Yêm. Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia phòng chống tội phạm phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 9(1998), tr.12-14.
- [5] Lê Cẩm. Luật hình sự Việt Nam và sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề hoàn thiện các quy định cơ bản của Phần chung). *Tạp chí Tòa án Nhân dân*, các số 9 & 12(1996) ; các số 1, 8 & 9(1997) ; Vấn đề hoàn thiện các quy định về những trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi. – *Tạp chí Tòa án nhân dân*, các số 3 & 4(1998).
- [6] Nguyễn Văn Hiện. *Một số vấn đề bổ sung, sửa đổi Chương các tội phạm kinh tế của Bộ luật hình sự*. – Trong sách Thông tin khoa học pháp lý tháng 6/1998 “Chuyên đề về một số vấn đề lý luận, thực tiễn phục vụ xây dựng Bộ luật hình sự”. (Viện nghiên cứu KHPL của Bộ tư pháp xuất bản). Hà Nội 1998, tr.96-107.
- [7] Lê Văn Cẩm. *Học thuyết về nhà nước pháp quyền và thực tiễn của nó ở Liên bang Nga*. Hội khoa học-kỹ thuật Việt Nam tại LB Nga. NXB Sáng tạo, Matxcova 1997, tr.13.
- [8] *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1998, tr. 7.

- [9] Trần Văn Luyện. *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy*. NXB Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1998, tr.32-33;
- [10] I.I Karpex. *Tình trạng phạm tội quốc tế*. Matxcova 1988 (tiếng Nga); Ia.M. Belxôl. *Interpol trong việc đấu tranh với tình trạng phạm tội hình sự*. Maxcova 1989 (tiếng Nga); A.G. Bôgatuev. *Các công ước về đấu tranh với các tội phạm có tính chất quốc tế*. Maxcova 1990 (tiếng Nga); V.P Panôv. *Sự hợp tác của các quốc gia trong việc đấu tranh với các tội phạm hình sự quốc tế*. Matxcova 1993 (tiếng Nga); V.N. Kudriavtxép (chủ biên). *Luật hình sự quốc tế* Matxcova 1995 (tiếng Nga); *Tư pháp hình sự: những vấn đề hợp tác quốc tế* Dự án nghiên cứu khoa học quốc tế (Bài dẫn đề của giáo sư Xavitxki V.M.). Matxcova 1995 (tiếng Nga); I.P. Blitsenkô. I.V. Phixenkô. *Toà án hình sự quốc tế*. Matxcova 1998 (tiếng Nga); v.v. . .
- [11] Lê Văn Cẩm. *Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề lý luận cơ bản)*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ 1 về Việt Nam học (15-17/7/1998). Đại học Quốc gia Hà Nội - Trung tâm KHXH & Nhân văn Quốc gia xuất bản. Hà Nội 1998, tr.118.
- [12] *Bộ luật hình sự của Liên bang Nga*. Văn bản chính thức. NXB Pháp lý, Matxcova 1996, tr.206 (tiếng Nga).
- [13] A.I Đôlgôva (chủ biên). *Tội phạm học*. Sách giáo khoa dành cho các trường Đại học Pháp lý. Matxcova 1997, tr.324 (tiếng Nga).

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XV, N°2, 1999

THE SCIENTIFIC - PRACTICAL BASES OF PERFECTING CRIMINAL LAW IN VIETNAM AT PRESENT

Le Cam

Faculty of Law

College of Social Sciences & Humanities - VNU

Basing on the fundamental properties as:

+ Social practice

+ Concrete conditions of history, economy, polity and culture as well as the values of traditional laws.

+ The values of model international laws

The author points out five scientific - practical bases for perfecting criminal law in Vietnam at present

+ Corresponding the practical social demands and practical fight for preventing criminal.

+ Correspondence to new principle and normality of International in criminal.

+ Ensuring the national traditional legal values.

+ Synchronizing carrying on reform of all-round criminal legal system.